

Bản án số: 326/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 02-7-2026

V/v: “Xác định cha cho con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Kim Phụng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Hào

Bà Nguyễn Thị Diên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Kiên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 02 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 126/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2026 về việc “Xác định cha cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Vũ Tiến Đ**, sinh ngày 10-5-2007; căn cước công dân số: 036207019256; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: **Số A đường P, phường N, tỉnh Ninh Bình**. Có đơn xin xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Đặng Khánh T**, sinh ngày 05-7-1957; căn cước công dân số: 036057003464; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: **Số G đường T, phường T, tỉnh Ninh Bình**. Có đơn xin xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Trần Thị T1**, sinh ngày 27-6-1982; nơi đăng ký thường trú: **33/159 M, phường T, tỉnh Ninh Bình**; nơi cư trú: **1 L, phường N, tỉnh Ninh Bình**. Có đơn xin xử vắng mặt.

2. Ông **Vũ Minh T2**, sinh năm 1976; trú tại: **A P, phường N, tỉnh Ninh Bình**; hiện đang chấp hành án tại Đội 28, K1, trại **giam N, xã N, tỉnh Ninh Bình**. Có đơn xin xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của ông **Vũ Minh T2**: Bà **Vũ Thị Thu H**, sinh ngày 23-02-1975; nơi đăng ký thường trú: **Số A H, phường N, tỉnh Ninh Bình**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 09-3-2026, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là anh **Vũ Tiến Đ** trình bày:

Vào ngày 10-5-2007 anh được mẹ đẻ là bà **Trần Thị T1**, sinh ngày 27-6-1982 sinh ra tại **Bệnh viện phụ sản tỉnh N** (nay là **bệnh viện phụ sản tỉnh N**). Toàn bộ thông tin trong giấy khai sinh và hồ sơ đi học của anh đều ghi tên cha là ông **Vũ Minh T2**. Khi anh trưởng thành, mẹ anh có nói cha đẻ của anh là ông **Đặng Khánh T**, sinh ngày 05-7-1957. Ngày 20-5-2025, anh và ông **Đặng Khánh T** đã đi làm xét nghiệm ADN tại Trung tâm phân tích ADN và Công nghệ di truyền, kết quả xét nghiệm đã xác định anh và ông **Đặng Khánh T** có mối quan hệ huyết thống, ông **Đặng Khánh T** là cha đẻ của anh. Ngoài ra, vào ngày 24-4-2026, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình trưng cầu giám định ADN giữa anh và ông **Đặng Khánh T** kết quả cũng xác định được ông **Đặng Khánh T** và anh có mối quan hệ huyết thống cha-con với độ tin cậy 99,999999%.

Căn cứ vào các tài liệu nêu trên, anh đề nghị Tòa án xác định anh là con đẻ của ông **Đặng Khánh T** để anh làm thủ tục thay đổi họ tên, quê quán với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như có điều kiện để quan tâm, chăm sóc tới bố đẻ của mình. Về chi phí giám định ADN và án phí của vụ án, anh tự nguyện nộp toàn bộ.

2. Tại bản tự khai nộp ngày 26-12-2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là ông **Đặng Khánh T** trình bày:

Đầu năm 2006, ông có tình cảm và quan hệ tình dục với bà **Trần Thị T1**, sau đó bà **T1** có thai. Đến ngày 10-5-2007 thì bà **T1** đã sinh con. Trong thời gian sinh anh **Vũ Tiến Đ** thì bà **Trần Thị T1** và ông **Vũ Minh T2** đang tồn tại quan hệ vợ chồng hợp pháp theo quy định của pháp luật vì vậy khi khai sinh cho anh **Đ** bà **T1** đặt tên trong Giấy khai sinh là **Vũ Tiến Đ**, tên cha là ông **Vũ Minh T2**. Từ đó toàn bộ hồ sơ của anh **Đ** từ khi khai sinh đến khi đi học vẫn mang tên là **Vũ Tiến Đ**, họ tên cha là **Vũ Minh T2**, họ tên mẹ là **Trần Thị T1**. Để khẳng định anh **Đ** là con đẻ của ông, vào ngày 20-5-2025, ông và anh **Đ** đã tự xét nghiệm ADN tại Trung tâm phân tích ADN và Công nghệ di truyền, kết quả xác định ông và anh **Đ** có quan hệ cha-con.

Ngày 24-4-2026, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình trưng cầu giám định ADN giữa ông và anh **Vũ Tiến Đ**, kết quả xác định ông và anh **Vũ Tiến Đ** có quan hệ huyết thống với độ tin cậy 99,999999%. Việc lấy mẫu máu giữa ông và

anh Đ ông nhận thấy đã đúng quy định của pháp luật và ông hoàn toàn đồng ý với kết quả xét nghiệm này.

Căn cứ vào các tài liệu nêu trên, anh Đ yêu cầu Tòa án xác định anh Đ là con đẻ của ông để anh Đ làm thủ tục thay đổi họ tên, quê quán với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ông hoàn toàn nhất trí.

Đối với chi phí giám định ADN và án phí của vụ án, ông đồng ý để anh Đ nộp toàn bộ và không có ý kiến gì khác.

3. Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị T1 trình bày:

Bà và ông Vũ Minh T2 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 21-7-2006. Do mâu thuẫn vợ chồng nên bà đã làm thủ tục ly hôn với ông T2 và được Tòa án nhân dân thành phố Nam Định giải quyết ly hôn cho bà vào ngày 19-01-2019. Trong năm 2006, do mâu thuẫn vợ chồng, bà và ông T2 sống ly thân, trong thời gian này bà có quan hệ tình cảm và quan hệ tình dục với ông Đặng Khánh T trong thời gian bà chưa ly hôn với ông Vũ Minh T2. Sau đó bà mang thai và sinh anh Vũ Tiến Đ vào ngày 10-5-2007, do thời điểm đó bà chưa ly hôn với ông Vũ Minh T2 nên toàn bộ thông tin của anh Vũ Tiến Đ bà đã khai trong Giấy khai sinh số 92/2007 ngày 13 tháng 6 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N nay là Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Ninh Bình và hồ sơ đi học đều ghi tên cha đẻ là ông Vũ Minh T2. Để khẳng định ông Đặng Khánh T là cha đẻ của anh Vũ Tiến Đ thì ông T và anh Đ đã đi làm xét nghiệm ADN tại Trung tâm phân tích ADN và Công nghệ di truyền. Kết quả xác định ông T và anh Đ có quan hệ huyết thống.

Ngày 24-4-2026, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình trưng cầu giám định ADN giữa ông và anh Vũ Tiến Đ, kết quả xác định ông và anh Vũ Tiến Đ có quan hệ huyết thống với độ tin cậy 99,999999%. Việc lấy mẫu máu giữa ông T và anh Đ, bà nhận thấy đã đúng quy định của pháp luật và bà hoàn toàn đồng ý với kết quả xét nghiệm này.

Nay anh Đ đề nghị Tòa án xác định anh Vũ Tiến Đ là con đẻ của ông Đặng Khánh T để anh Đ làm thủ tục thay đổi họ tên, quê quán với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bà hoàn toàn nhất trí.

Đối với chi phí giám định ADN và án phí của vụ án, bà đồng ý để anh Đ nộp toàn bộ và không có ý kiến gì khác.

4. Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Minh T2 trình bày:

Ông và bà Trần Thị T1 kết hôn vào tháng 7 năm 2006, đến năm 2018 thì ly hôn theo bản án của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình). Nguyên nhân ly hôn là do trong quá

trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn hòa hợp nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân.

Quá trình chung sống, ông và bà **Trần Thị T1** có 02 con chung là anh **Vũ Tiến Đ** và chị **Vũ Thanh T3**. Sau khi ly hôn, bà **Trần Thị T1** là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Ông khẳng định trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2006 đến tháng 12 năm 2006, ông và bà **Trần Thị T1** vẫn có quan hệ vợ chồng.

Tại Bản tự khai ngày 05-5-2026 và Đơn đề nghị giám định ADN ngày 29-5-2026, ông đề nghị Tòa án trưng cầu giám định ADN giữa ông và anh **Vũ Tiến Đ** để xác định quan hệ huyết thống cha, con. Tuy nhiên, sau khi nhận được kết quả giám định ADN giữa ông **Đặng Khánh T** và anh **Vũ Tiến Đ** do Tòa án gửi, ngày 12-6-2026, ông có đơn rút yêu cầu giám định huyết thống giữa ông và anh **Vũ Tiến Đ**, đồng thời không yêu cầu người đại diện theo ủy quyền nộp chi phí giám định ADN, chỉ ủy quyền cho người đại diện theo ủy quyền là bà **Vũ Thị Thu H** là người nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho ông nội dung.

5. Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình đã ra quyết định trưng cầu giám định số 214/2026/QĐ-TCGD ngày 24-4-2026 về việc trưng cầu giám định ADN để xác định quan hệ huyết thống giữa anh **Vũ Tiến Đ** và ông **Đặng Khánh T**.

Tại phiếu kết quả phân tích ADN ngày 24-4-2026 của Hội đồng khoa học **Công ty TNHH D** kết luận: Anh **Vũ Tiến Đ**, sinh ngày 10-5-2007, số căn cước công dân: 036207019256 và ông **Đặng Khánh T**, sinh ngày 05-7-1957, số căn cước công dân: 036057003464 có quan hệ huyết thống: CHA-CON, độ tin cậy 99,999999%.

6. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 88, 89, 90, 91, 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Vũ Tiến Đ**: Xác định anh **Vũ Tiến Đ** và ông **Đặng Khánh T** là cha, con. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 19-12-2025 anh **Vũ Tiến Đ** làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xác định ông **Đặng Khánh T** là cha đẻ của anh. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 28, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về xác định cha cho con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn là anh **Vũ Tiến Đ**; bị đơn là ông **Đặng Khánh T**; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Trần Thị T1**, ông **Vũ Minh T2** đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông **Vũ Minh T2** và bà **Trần Thị T1** trước đây là vợ chồng, có đăng ký kết hôn hợp pháp nhưng đến ngày 21-01-2019 Tòa án nhân dân thành phố Nam Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình) đã giải quyết cho ông **T2** và bà **T1** ly hôn. Trong thời kỳ hôn nhân của ông **Vũ Minh T2** và bà **Trần Thị T1** có 02 con chung là anh **Vũ Tiến Đ** sinh ngày 10-5-2027 và chị **Vũ Thị Thanh T3**. Anh **Vũ Tiến Đ** có giấy khai sinh số 92/2007 quyển số 1 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình ngày 13-6-2007 ghi tên bố là **Vũ Minh T2**, mẹ là **Trần Thị T1**. Quá trình chung sống, cả ông **T2** và bà **T1** đều thừa nhận có nhiều mâu thuẫn và vợ chồng ông bà đã có khoảng thời gian sống ly thân.

Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời khai của ông **Đặng Khánh T** và bà **Trần Thị T1** thì trong thời kỳ hôn nhân giữa ông **Vũ Minh T2** và bà **Trần Thị T1**, bà **Trần Thị T1** đã có quan hệ tình dục với ông **Đặng Khánh T**. Anh **Vũ Tiến Đ** được sinh ra vào ngày 10-5-2007 là phù hợp với khoảng thời gian ông **Đặng Khánh T** và bà **Trần Thị T1** quan hệ tình dục với nhau. Quá trình tham gia tố tụng, ông **Đặng Khánh T** và bà **Trần Thị T1** đều xác định anh **Vũ Tiến Đ** là con đẻ của ông **Đặng Khánh T**. Ông **Vũ Minh T2** sau khi nhận kết quả giám định ADN giữa anh **Vũ Tiến Đ** và ông **Đặng Khánh T** không có ý kiến gì.

Tại Bản kết quả xét nghiệm ADN của Công ty TNHH D số: KQ 2040826GP mà Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình trưng cầu giám định ADN giữa anh **Vũ Tiến Đ** và ông **Đặng Khánh T** có kết luận anh **Vũ Tiến Đ** và ông **Đặng Khánh T** có quan hệ huyết thống cha-con với độ tin cậy: 99,999999%. Ngoài ra, tại bản kết quả xét nghiệm ADN của Trung tâm P do anh **Vũ Tiến Đ** và ông **Đặng Khánh T** giao nộp cho Tòa án có kết luận: Anh **Vũ Tiến Đ** là con của ông **Đặng Khánh T**.

Căn cứ Điều 88, Điều 89, Điều 90, Điều 101 và Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Vũ Tiến Đ**, xác

định anh **Vũ Tiến Đ** sinh ngày 10-5-2007 theo giấy khai sinh số 92/2007 quyền số 1 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình) ngày 13-6-2007 là con đẻ của ông **Đặng Khánh T**.

[3] Về chi phí tố tụng: Anh **Vũ Tiến Đ** tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định ADN, anh **Vũ Tiến Đ** đã nộp đủ nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: anh **Vũ Tiến Đ** được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên bị đơn phải có nghĩa vụ nộp án phí. Do ông **T** là người cao tuổi nhưng không có đơn đề nghị được miễn án phí và anh **Vũ Tiến Đ** tự nguyện nộp thay nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 88, Điều 89, Điều 90, Điều 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Vũ Tiến Đ** về xác định cha cho con.

2. Xác định anh **Vũ Tiến Đ**, sinh ngày 10-5-2007 theo giấy khai sinh số 92/2007 quyền số 1 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình) ngày 13-6-2007; căn cước công dân số: 036207019256 là con đẻ của ông **Đặng Khánh T**, sinh ngày 05-7-1957; căn cước công dân số: 036057003464.

Anh **Vũ Tiến Đ** và ông **Đặng Khánh T** có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của cha con với nhau theo quy định của pháp luật.

Anh **Vũ Tiến Đ** và ông **Vũ Minh T2** chấm dứt các quyền và nghĩa vụ của cha và con theo quy định của pháp luật.

Anh **Vũ Tiến Đ** và ông **Đặng Khánh T** có quyền liên hệ với cơ quan đăng ký hộ tịch để thực hiện việc thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh **Vũ Tiến Đ** tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh **Vũ Tiến Đ** đã nộp tại biên lai số 0001312 ngày 20-3-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Anh **Vũ Tiến Đ** đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: **Anh Vũ Tiến Đ**, ông **Đặng Khánh T**, bà **Trần Thị T1**, ông **Vũ Minh T2** có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì anh **Vũ Tiến Đ**, ông **Đặng Khánh T**, bà **Trần Thị T1**, ông **Vũ Minh T2** có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND P. Trường Thi, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tổng Thị Kim Phụng

